TAND HUYỆN LỤC NGẠN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 06/9/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Phẩm.

Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 179/2017/DSST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986 (Có mặt)

Cùng trú tại: Thôn K, xã P, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 01/9/2015 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau năm 2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H S, huyện L G, tỉnh B. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn K, xã P, huyện L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi, chửi nhau, không phát triển được kinh tế gia đình. Vợ

chồng sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung Nguyễn Thị Phương A, Sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn nguyện vọng của chị N là tiếp tục được quản lý, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2017 và biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2017 bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau năm 2011, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H S, huyện L G, tỉnh B. Sau khi cưới vợ chồng anh về chung sống với nhau tại thôn K, xã P, huyện L. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến 04/2017 vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi, chửi nhau, không phát triển được kinh tế gia đình, anh nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng cũng ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không còn quan hệ tình cảm gì nữa. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn với anh, quan điểm của anh là hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung Nguyễn Thị Phương A, Sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn nguyện vọng của anh xin được nuôi con chung và anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị giữ nguyên các nội dung đã trình bày theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị trong hồ sơ vụ án. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung chị đề nghị Tòa án tiếp tục con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011 cho chị quản lý, chăm sóc. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn M đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn M giữ nguyên các lời khai của anh có trong hồ sơ vụ án. Về quan hệ vợ chồng, anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung anh đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011 cho anh quản lý, chăm sóc. Anh không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011. Anh Nguyễn Văn M có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau vào năm 2011, trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H S, huyện L G, tỉnh B. Mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh M phát sinh từ tháng 4 năm 2017, anh chị đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N có đơn đề nghị xin ly hôn với anh M, anh M cũng nhất trí ly hôn với chị N. Do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M sinh được một người con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011. Hiện nay cháu Phương A hơn 05 tuổi và đang ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị N. Tại phiên tòa cả chị Ng và anh M đều đề nghị được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị được nuôi con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn M là chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay cháu Nguyễn Thị Phương A đang ở chị N, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Mặt khác chị N là người có nơi ở ổn định, có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc giao cháu Nguyễn Thị Phương A cho chị N nuôi dưỡng sẽ không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ nhỏ cũng như sự phát triển sau này của cháu. Do đó cần tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011. Xét như vậy là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Việc chị N, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chung: Chị N, anh M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị N quản lý, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 15/9/2011. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000936 ngày 20 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện L;
- UBND xã P, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn